

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 29-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vân Thị Thu Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

2. Ông Lê Phi Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2020/TLST- HS ngày 24-12-2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- HS ngày 18-01-2021 đối với bị cáo:

HUỲNH P (Cu Lỳ)- sinh năm: 1993 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh S (đã chết), và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Có 01 người con, sinh năm: 2020; Tiền án: ngày 18/7/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 16/3/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt 16 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, ngày 24/3/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tổng hợp hình phạt của bản án số 12/2015/HSST ngày 16/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với bản án số 19/2015/HSST ngày 24/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là 04 năm 10 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/9/2019; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/10/2007, bị Chủ tịch UBND thị xã Phan Rang- Tháp Chàm ra quyết định

đưa đi trường giáo dưỡng. Ngày 02/9/2009, chấp hành xong quyết định, ngày 18/3/2010, bị Chủ tịch UBND phường Đ ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã trong thời hạn 06 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 25/8/2010, bị Công an phường Đài Sơn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 75.000 đồng về hành vi trộm cắp vật, ngày 20/12/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 13/4/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tạm giữ: ngày 09/9/2020; Tạm giam: 18/9/2020; Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985. Xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 2001. Xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường PM, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Chị Trần Thị H1, sinh năm: 1993. Xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: xã ĐT, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1964. Xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng:

Chị Lê Thị Tr, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 15/6/2020 đến ngày 18/8/2020, bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 15/6/2020, bị cáo đi bộ tìm nhà dân sở hớ để trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà chị Nguyễn Thị H thì nhìn thấy cửa nhà không khóa, bị cáo leo qua hàng rào đi vào trong nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11, màu xanh dương, 01 túi xách màu nâu bên trong có 01 ví màu nâu, 01 lắc tay bằng vàng 18K, số tiền: 12.000.000 đồng, 02 cuốn vở, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ngân hàng ATM của chị H rồi theo đường cũ ra khỏi nhà. Sau đó, bị cáo đi đến khu vực cầu An Đông vứt bỏ 01 túi xách màu nâu, 01 ví màu nâu, 02 cuốn vở, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ngân hàng ATM. Bị cáo đã bán 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11, màu xanh dương cho một người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch), với số tiền:

2.000.000 đồng. Riêng 01 lắc tay bằng vàng 18K bị cáo đã làm rơi mất. Số tiền trộm cắp được, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 10/8/2020, bị cáo đi bộ đến phường PM tìm nhà dân sở hữu để trộm cắp tài sản. Khi đến trước số nhà 15, đường N9, thuộc khu phố 5, phường PM thì nhìn thấy trên lầu không khóa cửa, bị cáo leo lên lầu đi vào bên trong phòng ngủ nhìn thấy chị Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Thị Ngọc A, Trần Thị H1 đang nằm ngủ. Bị cáo lấy 01 ví màu đen, bên trong có số tiền: 1.000.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 thẻ ngân hàng ATM của chị V và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3, màu hồng, bị trầy góc màn hình của chị H1 bỏ vào trong túi quần rồi đi xuống tầng trệt, thấy 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số: 85E1-10165 có cắm sẵn chìa khóa trên xe, bị cáo lấy chìa khóa mở cốp xe lấy 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, màu trắng, trọng lượng 01 chỉ, kiểu mắt xích của chị V bỏ vào trong túi quần rồi theo đường cũ ra khỏi nhà. Sau đó, bị cáo đưa 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3, màu hồng, bị trầy góc màn hình cho Lê Thị Tr (chung sống như vợ chồng với bị cáo). Riêng 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, 01 ví màu đen, 02 thẻ ngân hàng ATM, bị cáo đã làm mất. Số tiền trộm cắp được, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 18/8/2020, cũng như các lần trước bị cáo đến nhà bà Nguyễn Thị Kim A, bị cáo leo vào trong nhà đến chỗ treo quần áo lấy 01 cái ví, bên trong có 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,6 chỉ, có đính hạt màu mắt mèo; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ, có đính hạt đá màu trà xung quanh; số tiền: 1.400.000 đồng ở trong túi áo khoác rồi theo đường cũ ra khỏi nhà. Sau đó, bị cáo bán 02 chiếc nhẫn nêu trên cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), với số tiền: 3.000.000 đồng. Riêng 01 cái ví bị cáo đã vứt bỏ. Số tiền trộm cắp được, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Biên bản định giá tài sản số: 114/BBĐG ngày 27/10/2020; Biên bản định giá tài sản số: 93/BBĐG ngày 10/9/2020; Biên bản định giá tài sản số: 113/BBĐG ngày 27/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP Phan Rang - Tháp Chàm, xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11, màu xanh dương, trị giá: 4.500.000 đồng; 01 lắc tay bằng vàng 18K, trị giá: 10.000.000 đồng; 01 túi xách màu nâu, trị giá: 1.000.000 đồng; 01 ví màu nâu, trị giá: 300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3, màu hồng, bị trầy góc màn hình, trị giá: 1.200.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, màu trắng, trọng lượng 01 chỉ, kiểu mắt xích, trị giá: 5.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,6 chỉ, có đính hạt màu mắt mèo, trị giá: 3.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ, có đính hạt đá màu trà xung quanh, trị giá: 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 42.400.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 04/CT-VKSPRTC ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: từ ngày 15/6/2020 đến ngày 18/8/2020, tại địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, bị cáo đã 03 lần trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Thúy V, chị Trần Thị H1, bà Nguyễn Thị Kim A với tổng trị giá là 42.400.000 đồng. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, bị xử phạt hành chính và bị kết án nhiều lần nhưng vẫn không chịu tu sửa rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý thật nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, tự thú; các tình tiết này quy định tại các điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: tại giai đoạn điều tra bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận được về việc bồi thường, cụ thể: bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H 27.800.000 đồng; chị V 6.000.000 đồng; chị H1 1.200.000 đồng; bà A 7.400.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên ý kiến này. Vì vậy HĐXX ghi nhận.

Vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trao trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân cho chị Nguyễn Thị Thúy V.

Đối với 02 cuốn vở, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ngân hàng ATM của chị Nguyễn Thị H; 01 ví màu đen, 02 thẻ ngân hàng ATM của chị Nguyễn Thị Thúy V; 01 chiếc ví của bà Nguyễn Thị Kim A, bị cáo đã làm mất, không nhớ rõ vị trí nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với Lê Thị Tr là người đã nhận điện thoại hiệu Oppo F3 màu hồng của bị cáo để sử dụng nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ. Hiện chiếc điện thoại trên chị Tr đã làm rơi mất.

Đối với 02 người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đã mua điện thoại, nhân của bị cáo, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: bị cáo Huỳnh P (Cu Lý) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh P (Cu Lý) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào: Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại như sau: bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Nguyễn Thị H 27.800.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng); bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy V 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị H1 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim A 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi

suất được quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị hại vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Công an TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vân Thị Thu Sang